

# WEEKLY WRAP

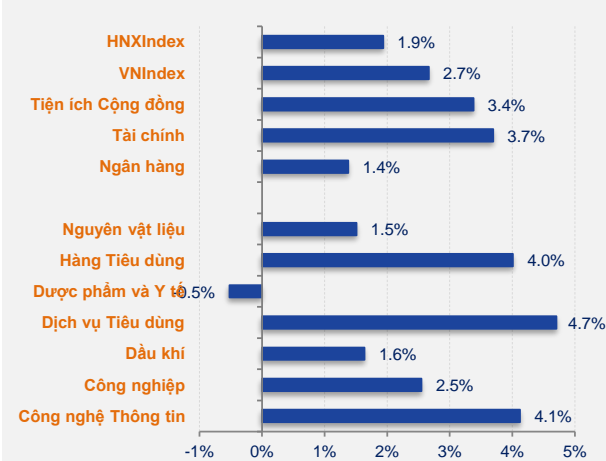
Tuần GD: 10/7/2023 - 14/7/2023

## THỊ TRƯỜNG TUẦN QUA

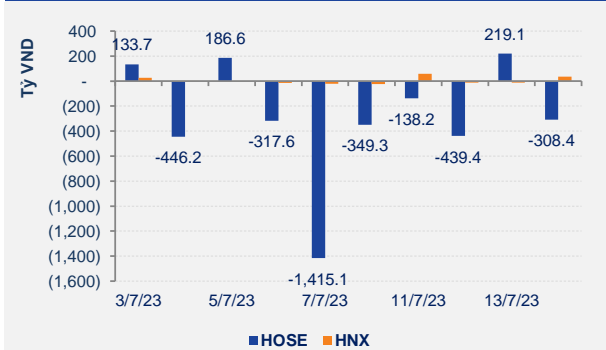
Index Tuần	HOSE	+/-	HNX	+/-
<b>Thông kê thị trường</b>				
Index	1,168.40 ↑	2.7%	230.19 ↑	1.9%
KLGD (trCP)	4,297.14 ↑	17.2%	566.83 ↑	10.7%
GTGD (tỷ VND)	91,605.94 ↑	18.0%	9,106.09 ↑	13.0%
Tổng cung (trCP)	10,219.34 ↑	21.0%	897.61 ↑	10.8%
Tổng cầu (trCP)	9,521.06 ↑	11.5%	776.98 ↑	14.4%

Giao dịch NĐT nước ngoài				
KL mua (trCP)	171.32 ↑	1.6%	7.92 ↓	-27.2%
KL bán (trCP)	212.03 ↓	-6.5%	3.90 ↓	-50.8%
GT mua (tỷ VND)	5,730.21 ↑	1.0%	150.23 ↓	-15.3%
GT bán (tỷ VND)	6,746.42 ↓	-10.4%	104.42 ↓	-44.6%

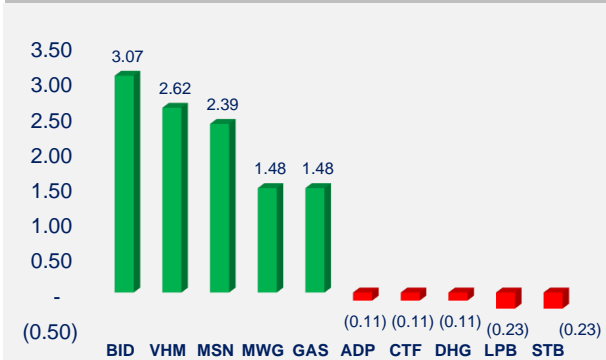
### Biến động giá Ngành theo Tuần



### Giá trị giao dịch mua ròng của NĐT nước ngoài



### Top các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Tiếp tục xu hướng tăng điểm tuần trước, VN-INDEX có tuần giao dịch rất tích cực khi có 05 phiên liên tiếp tăng điểm với thanh khoản cải thiện mạnh. VN-INDEX lần lượt vượt qua các vùng giá thấp nhất tháng 05/2022, 07/2022 và kết tuần ở mức 1.168,40 điểm, tăng 2,57% so với tuần trước. HNX-INDEX tăng 1,94% so với tuần trước lên mức 230,19 điểm.

Trong tuần thanh khoản trên HOSE đạt 91.598,42 tỷ đồng, tăng khá tốt 18,0%, tương ứng khối lượng giao dịch tăng 17,1% so với tuần trước, duy trì vượt mức trung bình, cho thấy dòng tiền ngắn hạn cải thiện, gia tăng ở nhiều nhóm mã. Thanh khoản HNX tăng 13,0% với 9.106,09 đồng được giao dịch. Nhà đầu tư nước ngoài giảm tỉ trọng giao dịch, trong đó bán ròng tuần thứ tư liên tiếp, giá trị bán ròng 1.016,22 tỷ đồng, mua ròng trên HNX với giá trị 45,81 tỷ đồng.

Thị trường đón nhận khá nhiều thông tin tích cực như ngày 10/7/2023 NHNN đã điều chỉnh chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng năm 2023 cho các TCTD với mức giao toàn hệ thống khoảng 14%. Chính phủ yêu cầu tiếp tục giảm lãi suất cho vay ít nhất 1,5%-2% và yêu cầu NHNN tập trung, khẩn trương xử lý các ngân hàng thương mại yếu kém, bảo đảm thanh khoản, an toàn hệ thống và chú trọng xử lý nợ xấu. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) trong tháng 6/2023 của Mỹ tăng 3% so với cùng kỳ, thấp nhất kể từ tháng 3/2021 và thấp hơn dự báo của các chuyên gia lần lượt là 3,1% và 0,3%.

Tâm lý thị trường lạc quan hơn, thể hiện ở nhóm mã bất động sản có diễn biến nổi bật trong tuần qua, rất nhiều mã tăng giá mạnh, thanh khoản đột biến như HDC (+17,43%), NLG (+15,49%), PDR (+9,25%), NDN (+8,51%), CII (+8,26%), DIG (+7,69%)....

Nhóm cổ phiếu dịch vụ tài chính, chứng khoán cũng có diễn biến tăng giá tích cực khi thanh khoản cải thiện và nhiều mã đã công bố báo cáo kết quả kinh doanh quý II/2023 lạc quan với VIX (+10,13%), SSI (+7,75%), SHS (+6,57%), FTS (+6,09%), VCI (+4,78%)....

Trong khi đó các cổ phiếu nhóm đầu tư công, xây dựng, vật liệu xây dựng, thép có diễn biến phân hóa hơn, đa số duy trì tăng giá tích cực với nhiều mã tăng giá đột biến với thanh khoản tăng mạnh như C69 (+18,09%), CTI (+9,54%), CTD (+8,11%), FCN (+4,52%)... TVN (+11,27%), SMC (+6,14%), NKG (+5,16%)....

Các cổ phiếu nhóm ngân hàng ngoại trừ STB (-2,78%) chịu áp lực bán mạnh, khối lượng đột biến trong phiên cuối tuần, đa số đều có diễn biến tăng giá tốt với thanh khoản duy trì trên mức trung bình như PGB (+11,32%), BID (+5,53%), MBB (+4,88%), HDB (+3,00%)....

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2307 phiên cuối tuần tăng 7,1 điểm (+0,61%), mức chênh lệch đảo chiều dương 1,51 điểm so với VN30 khi sắp đến thời điểm đáo hạn. Khối lượng mở OI tăng và duy trì ở mức cao, cho thấy vị thế nắm giữ đáo hạn VN30F2307 vẫn cao và thị trường bắt đầu gia tăng vị thế sang kỳ hạn VN30F2308. Các kỳ hạn lớn hơn VN30F2308, VN30F2309, VN30F2312 thu hẹp chênh lệch xuống còn từ -5,59 điểm đến -20,29 điểm so với VN30. Xu hướng ngắn hạn của của kỳ hạn chính vẫn chưa đồng thuận với VN30. Cho thấy các trader duy trì lạc quan hơn với VN30, ưu tiên các vị thế mua ở VN30, gia tăng các vị thế phòng ngừa rủi ro ở thị trường phái sinh ở các kỳ hạn lớn hơn.

# WEEKLY WRAP

Tuần GD: 10/7/2023 - 14/7/2023

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Tuần đặc biệt của thị trường khi VN-Index bùng nổ vượt ngưỡng cản quan trọng 1.150 điểm. Trong tuần trước và tuần này VnIndex đều chốt tuần với điểm số cao nhất, điều đó cho thấy động lực tăng điểm của thị trường đang mạnh mẽ. Như chúng tôi liên tục nhấn mạnh trong thời gian qua, xu hướng tăng của thị trường được củng cố theo từng chặng với các nền tảng tích lũy chặt chẽ liên tiếp và khả năng hình thành uptrend là rất cao. Trong ngắn hạn, khả năng thị trường sẽ điều chỉnh để kiểm định lại vùng hỗ trợ 1.150 điểm – 1.155 điểm là có thể xảy ra. Vùng kháng cự gần nhất của chỉ số là quanh vùng 1.180 điểm và xa hơn là 1.200 điểm.

### NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Tuần thứ 2 liên tiếp thị trường đóng cửa với điểm số cao nhất trong tuần, vận động của thị trường trong tuần này tích cực và rất quan trọng khi VnIndex vượt ngưỡng cản 1.150 điểm lần đầu tiên trong năm 2023 và tạo tiền đề cho khả năng hình thành Uptrend mới, chốt tuần VnIndex đóng cửa ở 1.168,40 điểm (tăng 30,33 điểm, +2,67%). Như chúng tôi liên tục dự báo và nhấn mạnh đà hồi phục của thị trường trong hơn 2 tháng qua là rất tích cực với nội lực tốt được hình thành trên nền tảng gốc tích lũy chặt chẽ, sóng hồi liên tiếp được củng cố bằng các nền tảng tích lũy ngắn trên đường tăng điểm từ đó chúng tôi dự báo VN-Index có nhiều cơ hội hình thành uptrend mới sau khi vượt 1.150 điểm. Sau khi vượt ngưỡng cản, chỉ số có thể sẽ có thể có nhịp rung lắc mạnh trong ngắn hạn trước khi có những diễn biến tích cực tiếp theo. Về trung hạn, với nội lực tích lũy và động lực tăng điểm tốt, khả năng hình thành uptrend mới của thị trường là khá rõ nét nhưng cần thêm đồng thuận từ chuyển biến vĩ mô.

Nhà đầu tư ngắn hạn cần thận trọng trong tuần giao dịch kế tiếp và theo dõi diễn biến thị trường tại vùng hỗ trợ trong các nhịp điều chỉnh. Trong trung, dài hạn thị trường đã tạo đà cho việc hình thành uptrend mới và cho thấy nhiều chuyển biến tích cực về thanh khoản, chúng tôi cho rằng khả năng hình thành uptrend trung hạn đang khá cao. Trong các bản tin ngày và tuần chúng tôi đều khuyến nghị các nhà đầu tư trung và dài hạn liên tục giải ngân trong giai đoạn vừa qua, do đó nhà đầu tư có thể tiếp tục duy trì danh mục hợp lý hiện tại. Trong trường hợp cần giải ngân thêm có thể tận dụng các phiên điều chỉnh để gia tăng tỷ trọng, hướng giải ngân nên lựa chọn các cổ phiếu đầu ngành có nền tảng cơ bản tốt, các cổ phiếu có tiềm năng tăng trưởng ổn định đang vận động trong trạng thái tích lũy hiện nay.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



## WEEKLY WRAP

Tuần GD: 10/7/2023 - 14/7/2023

## DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DỐI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu TTM	T.trường Lợi nhuận TTM	
LCG	14.20	12.5-13.2	15-15.5	12	17.8	33.6%	-79.2%	Theo dõi chờ giải ngân
POW	13.30	13.1-13.6	16.5-17	13	18.2	5.1%	-26.0%	Theo dõi chờ giải ngân
EVE	19.25	18.5-19.5	24-25	17	9.1	-22.6%	-55.2%	Theo dõi chờ giải ngân
VOS	13.15	12.6-13.3	15.2-16	12	3.6	29.1%	31.1%	Theo dõi chờ giải ngân

## DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
09/03/2023	CSV	38.35	26.4	40-42	37	45.3%	Nắm giữ
30/03/2023	BVS	26.00	18	24-26	24.5	44.4%	Nắm giữ
31/03/2023	PTB	53.90	40	52-54	52	34.8%	Nắm giữ
28/04/2023	PVS	34.00	25.1	33-34	32	35.5%	Nắm giữ
11/05/2023	PVP	14.30	12.75	18-18.5	14	12.2%	Nắm giữ
19/05/2023	DPR	61.20	54.8	65-67	59	11.7%	Nắm giữ
06/06/2023	KBC	31.00	28.05	34-35	29.5	10.5%	Nắm giữ
21/06/2023	GMD	57.00	51	62-64	55	11.8%	Nắm giữ
07/12/2023	DCM	28.40	27.75	31-32	27	2.3%	Nắm giữ



**TIN VĨ MÔ**

**Vàng thế giới lên mức cao nhất trong 1 tháng**

Giá vàng dao động gần mức cao nhất trong 1 tháng vào ngày thứ Năm (13/07), khi đồng USD và lợi suất trái phiếu Mỹ giảm do kỳ vọng Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) có thể sớm kết thúc chu kỳ nâng lãi suất.

**Chính thức có hướng dẫn chi lương hưu, trợ cấp theo mức mới**

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã có hướng dẫn chính thức về việc điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hàng tháng cho các nhóm đối tượng... Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã ban hành Thông tư số 06/2023 hướng dẫn điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hàng tháng.

**Bình Thuận chấp thuận dự án kho cảng LNG 1,3 tỷ USD**

AES và PV Gas đã được Bình Thuận trao quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư kho cảng LNG Sơn Mỹ, có tổng mức đầu tư khoảng 1,34 tỷ USD. Tập đoàn AES cho biết dự án kho cảng này nằm trong chuỗi dự án LNG tại Bình Thuận, có công suất lắp đặt 450 TBtu. Kho cảng này dự kiến vận hành thương mại năm 2027.

**Trung Quốc không còn là nước xuất khẩu nhiều nhất sang Mỹ**

Trung Quốc đã mất vị trí là nước xuất khẩu hàng hóa lớn nhất sang Mỹ trong 5 tháng đầu năm 2023 - lần đầu tiên trong 15 năm qua - vào tay Mexico và Canada. Theo dữ liệu từ Bộ Thương mại Mỹ, nhập khẩu hàng hóa Trung Quốc của Mỹ từ tháng 1 đến tháng 5/2023 đã giảm khoảng 25% so với cùng kỳ năm trước, xuống còn 169 tỷ USD.

**TIN DOANH NGHIỆP**

**ĐHĐCĐ Thép Pomina: Sắp phát hành 70 triệu cổ phiếu cho nhà đầu tư chiến lược Nhật Bản Nansei, mở lại lò cao vào năm 2024**

CTCP Thép Pomina (POM) đã tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2023, thông qua kế hoạch kinh doanh, hoạt động tái cấu trúc và đặc biệt là phương án phát hành cho nhà đầu tư chiến lược. Về kế hoạch cho năm 2023, Công ty dự kiến doanh thu 9.000 tỷ đồng, lỗ sau thuế 150 tỷ đồng (năm ngoái lỗ 1.079 tỷ đồng). Theo POM, do hoạt động của Công ty có nguồn nguyên vật liệu nhập khẩu là chủ yếu, trong khi đầu ra xuất khẩu chỉ chiếm 15%, vì thế nếu trong năm 2023 tỷ giá tăng mạnh sẽ gây khó khăn cho hiệu quả kinh doanh của Công ty.

**Container Việt Nam (VSC) sẽ trả cổ tức 10% xong mới chào bán cổ phiếu tỷ lệ 100%**

Container Việt Nam (VSC) thông qua việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức sau đó mới tiến hành phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ. Được biết, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, Container Việt Nam thông qua kế hoạch phát hành cổ phiếu trả cổ tức với tỷ lệ 10%, tương ứng phát hành tối đa 12,13 triệu cổ phiếu để nâng vốn điều lệ từ 1.212,7 tỷ đồng lên 1.333,96 tỷ đồng và triển khai trong năm 2023.

**LPBank (LPB): Lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2023 giảm 31,8% so với cùng kỳ năm 2022**

LPBank khép lại quý II nhiều biến động với lợi nhuận trước thuế đạt 880 tỷ đồng. Lũy kế đến 30/6/2023, lợi nhuận trước thuế LPBank ở mức 2.446 tỷ đồng, giảm 31,8% so với cùng kỳ năm 2022. Trước đó, tại phiên họp thường niên 2023 diễn ra hồi tháng 4, đại hội đồng cổ đông LPBank đặt mục tiêu lợi nhuận trước thuế trong năm nay ở mức 6.000 tỷ đồng, tăng 11% so với năm 2022.

**6 tháng đầu năm 2023, FPT báo lãi trước thuế 4.339 tỷ đồng, tăng trưởng 19,3%**

6 tháng đầu năm 2023, FPT ghi nhận doanh thu 24.166 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 4.339 tỷ đồng, lần lượt tăng 21,9% và 19,3% so với cùng kỳ năm ngoái, theo sát kế hoạch đã đề ra tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023.



## HOSE

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SSI	15,506,400	STB	(14,852,500)
2	HPG	8,321,400	VRE	(9,622,600)
3	KBC	4,126,500	POW	(8,700,700)
4	VHM	2,641,400	VPB	(6,135,400)
5	SHB	2,410,300	PVD	(5,466,000)

## HNX

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SHS	3,695,649	SVN	(500,000)
2	CEO	1,181,030	PVI	(365,791)
3	TNG	230,164	PVS	(251,238)
4	DL1	120,200	NVB	(240,190)
5	VNR	112,870	IDC	(232,820)

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong tuần

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
VND	17.70	18.50	↑ 4.52%	171,679,500
STB	29.60	29.00	↓ -2.03%	154,398,204
NVL	14.50	15.15	↑ 4.48%	140,479,100
SSI	26.45	28.50	↑ 7.75%	119,685,338
GEX	18.45	20.40	↑ 10.57%	112,635,300

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHS	13.70	14.60	↑ 6.57%	112,618,183
CEO	22.20	21.20	↓ -4.50%	58,804,860
IDJ	6.30	5.50	↓ -12.70%	36,110,527
HUT	19.30	20.50	↑ 6.22%	30,949,815
PVS	33.20	34.00	↑ 2.41%	22,630,444

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong tuần

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DC4	8.48	10.80	2.3	↑ 27.36%
CRC	5.72	7.20	1.5	↑ 25.87%
LM8	12.00	15.00	3.0	↑ 25.00%
HDC	28.40	33.35	5.0	↑ 17.43%
RDP	7.60	8.92	1.3	↑ 17.37%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CMC	5.50	6.90	1.4	↑ 25.45%
UNI	8.60	10.40	1.8	↑ 20.93%
PHN	35.10	42.40	7.3	↑ 20.80%
DP3	60.80	72.20	11.4	↑ 18.75%
C69	9.40	11.10	1.7	↑ 18.09%

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong tuần

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CTF	36.10	30.00	-6.1	↓ -16.90%
MDG	16.95	14.70	-2.3	↓ -13.27%
ADG	36.00	33.50	-2.5	↓ -6.94%
PGI	26.90	25.05	-1.9	↓ -6.88%
DTL	33.20	31.20	-2.0	↓ -6.02%

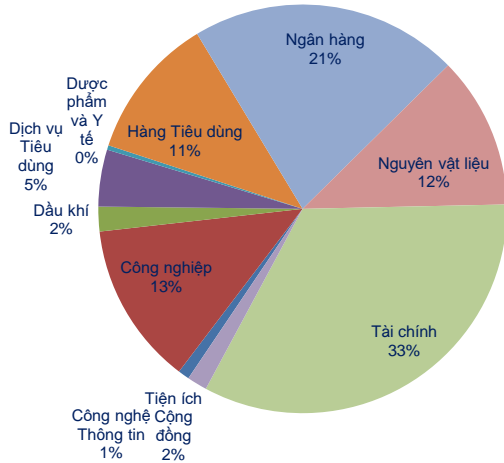
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SGD	32.40	21.40	-11.0	↓ -33.95%
THS	18.60	12.50	-6.1	↓ -32.80%
VTH	11.50	8.50	-3.0	↓ -26.09%
DPC	11.20	8.60	-2.6	↓ -23.21%
NAG	15.20	12.70	-2.5	↓ -16.45%

(\*) Giá điều chỉnh





Giá trị giao dịch tuần theo Ngành



Chuỗi PE ngành và thị trường



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
VND	171,679,500	4.1%	487	36.9	1.5
STB	154,398,204	14.9%	3,006	10.0	1.4
NVL	140,479,100	1.8%	414	36.1	0.7
SSI	119,685,338	6.9%	1,035	27.5	1.9
GEX	112,635,300	0.1%	23	891.0	0.8

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	112,618,183	2.1%	224	64.7	1.2
CEO	58,804,860	7.5%	1,057	20.3	1.5
IDJ	36,110,527	8.0%	901	6.2	0.5
HUT	30,949,815	1.3%	146	137.7	1.8
PVS	22,630,444	5.6%	1,498	22.7	1.2

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
DC4	↑ 27.4%	-0.6%	-66	-	1.0
CRC	↑ 25.9%	6.9%	860	7.8	0.5
LM8	↑ 25.0%	4.8%	1,513	9.5	0.4
HDC	↑ 17.4%	20.1%	2,620	11.9	1.8
RDP	↑ 17.4%	1.1%	141	63.3	0.6

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
CMC	↑ 25.5%	3.3%	435	15.6	0.5
UNI	↑ 20.9%	0.1%	16	661.3	1.0
PHN	↑ 20.8%	33.8%	5,871	7.2	2.2
DP3	↑ 18.8%	27.8%	12,896	6.0	1.5
C69	↑ 18.1%	3.2%	391	29.1	0.9

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	15,506,400	6.9%	1,035	27.5	1.9
HPG	8,321,400	0.7%	114	236.9	1.6
KBC	4,126,500	11.2%	2,620	11.8	1.3
VHM	2,641,400	24.9%	8,269	6.8	1.5
SHB	2,410,300	18.7%	2,610	5.3	0.9

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	3,695,649	2.1%	224	64.7	1.2
CEO	1,181,030	7.5%	1,057	20.3	1.5
TNG	230,164	17.8%	2,666	7.5	1.3
DL1	120,200	3.4%	417	12.9	0.4
VNR	112,870	-0.1%	-16	-	1.1

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	496,441	23.2%	6,533	16.1	3.4
VHM	245,151	24.9%	8,269	6.8	1.5
BID	237,245	19.7%	3,972	11.8	2.2
VIC	196,418	5.1%	1,800	28.6	1.5
GAS	190,055	24.1%	7,689	12.9	2.9

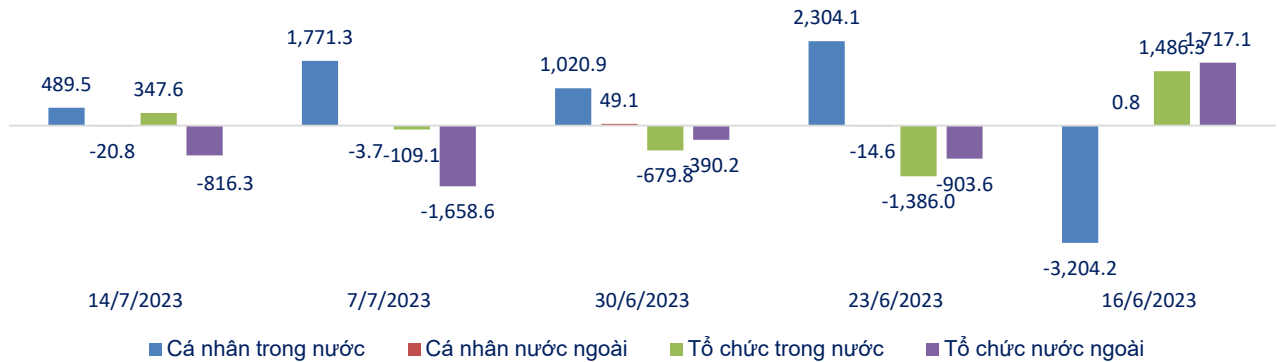
Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	16,251	5.6%	1,498	22.7	1.2
IDC	14,619	34.3%	6,675	6.6	2.3
THD	13,790	4.0%	672	58.6	2.3
KSF	12,000	4.9%	1,094	36.6	1.8
SHS	11,791	2.1%	224	64.7	1.2



GIAO DỊCH THEO LOẠI NHÀ ĐẦU TƯ

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 tuần gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	489.16	14.9%	3,006	10.0	1.4
VPB	301.48	11.8%	1,796	11.1	1.3
VRE	276.52	10.2%	1,488	18.9	1.9
DGC	236.68	47.4%	13,357	5.3	2.5
SBT	127.27	6.9%	908	18.7	1.1

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	-521.71	6.9%	1,035	27.5	1.9
VHM	-197.45	24.9%	8,269	6.8	1.5
HPG	-175.91	0.7%	114	236.9	1.6
GEX	-155.61	0.1%	23	891.0	0.8
HSG	-143.01	-9.7%	(1,710)	-	1.0

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SAB	5.58	20.0%	7,829	19.6	3.8
TPB	5.39	20.3%	2,884	6.3	0.9
HDB	4.50	20.8%	3,174	5.9	1.2
MSN	4.33	5.9%	1,537	53.2	3.1
AST	3.62	15.7%	1,561	38.6	5.5

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-19.50	0.7%	114	236.9	1.6
POM	-12.46	-50.1%	(5,223)	-	0.8
VNM	-10.71	23.5%	3,881	18.8	4.4
PVT	-5.66	11.1%	2,677	8.9	0.9
KHG	-4.30	9.0%	1,009	6.6	0.6

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HSG	137.26	-9.7%	(1,710)	-	1.0
GEX	119.94	0.1%	23	891.0	0.8
CTR	109.94	29.8%	4,053	18.3	4.8
VNM	98.71	23.5%	3,881	18.8	4.4
SSI	86.63	6.9%	1,035	27.5	1.9

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	-178.55	11.8%	1,796	11.1	1.3
SBT	-124.40	6.9%	908	18.7	1.1
SGN	-93.00	19.1%	4,872	15.2	2.7
NVL	-84.97	1.8%	414	36.1	0.7
TCB	-67.96	17.2%	5,446	5.9	1.0

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	433.16	6.9%	1,035	27.5	1.9
HPG	249.41	0.7%	114	236.9	1.6
VHM	148.05	24.9%	8,269	6.8	1.5
KBC	126.26	11.2%	2,620	11.8	1.3
DGW	81.64	23.9%	3,358	15.0	3.3

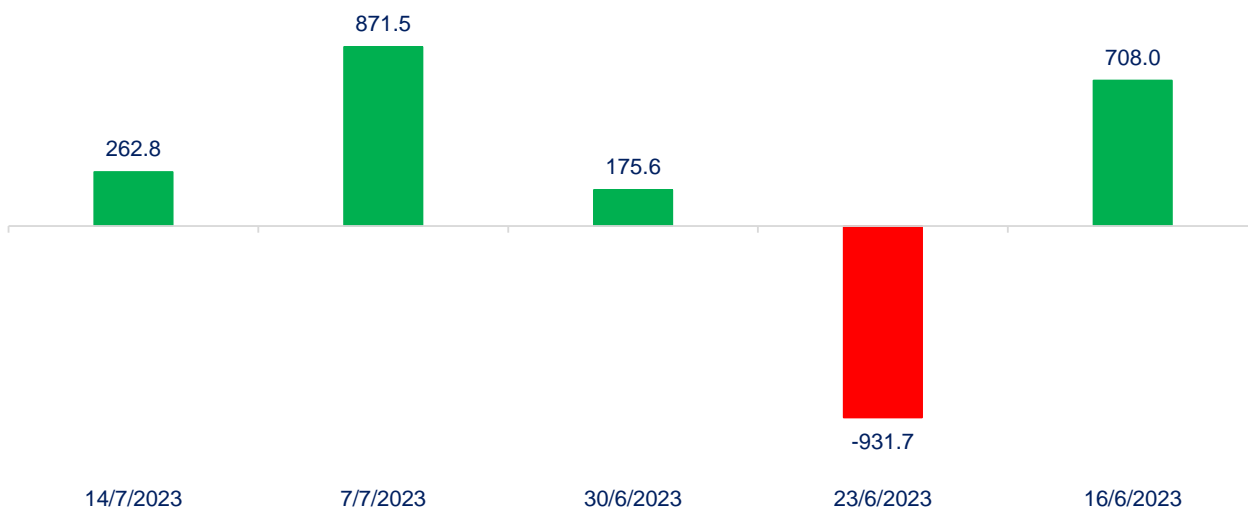
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	-427.30	14.9%	3,006	10.0	1.4
VRE	-266.10	10.2%	1,488	18.9	1.9
DGC	-218.85	47.4%	13,357	5.3	2.5
PVD	-135.61	0.2%	47	534.8	1.0
VPB	-125.73	11.8%	1,796	11.1	1.3

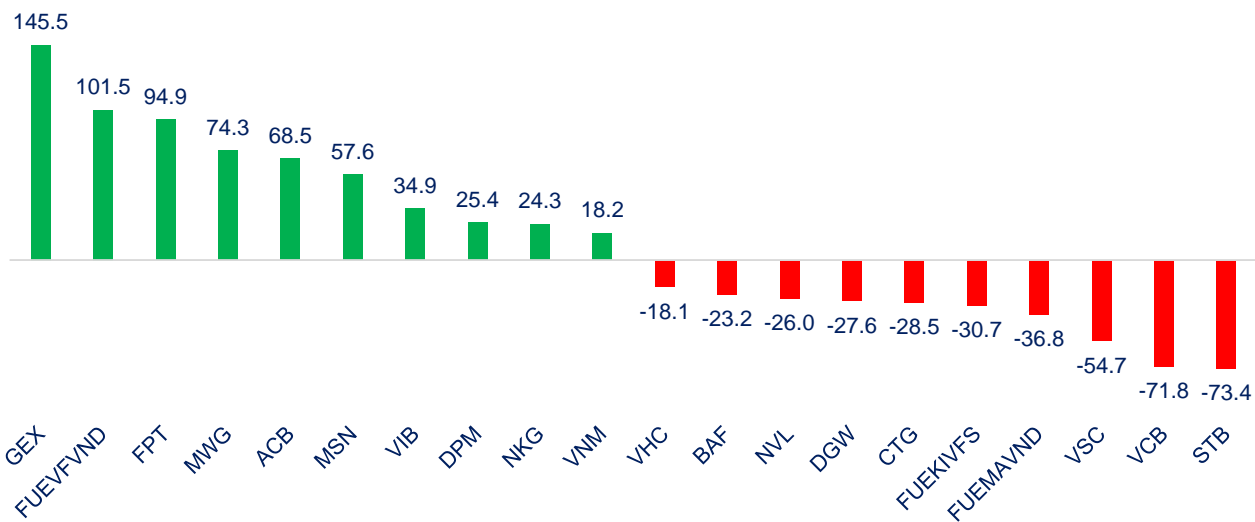




Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 tuần gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





## LỊCH SỰ KIỆN TRONG TUẦN

Ngày thông báo	Ngày thực hiện	Ngày ĐKCC	Ngày GDKHQ	Mã CK	Loại sự kiện
2/6/2023	14/7/2023	19/6/2023	16/6/2023	<b>DCF</b>	Đại hội Cổ đông Bất thường
31/5/2023	14/7/2023	20/6/2023	19/6/2023	<b>NBW</b>	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13/6/2023	14/7/2023	20/6/2023	19/6/2023	<b>VLF</b>	Đại hội Cổ đông Bất thường
16/6/2023	14/7/2023	23/6/2023	22/6/2023	<b>THN</b>	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14/6/2023	14/7/2023	14/7/2023	14/7/2023	<b>EMC</b>	Tạm dừng Niêm yết
27/6/2023	14/7/2023	4/7/2023	3/7/2023	<b>VTK</b>	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23/6/2023	14/7/2023	4/7/2023	3/7/2023	<b>SHP</b>	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14/9/2021	17/7/2023	14/7/2023	14/7/2023	<b>BCG</b>	Niêm yết thêm
10/4/2023	17/7/2023	21/4/2023	20/4/2023	<b>DVG</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
28/4/2023	17/7/2023	6/6/2023	5/6/2023	<b>CLW</b>	Trả cổ tức bằng tiền mặt
30/5/2023	17/7/2023	15/6/2023	14/6/2023	<b>CMK</b>	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9/6/2023	17/7/2023	22/6/2023	21/6/2023	<b>TPS</b>	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9/6/2023	17/7/2023	30/6/2023	29/6/2023	<b>CDG</b>	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8/6/2023	17/7/2023	15/6/2023	14/6/2023	<b>HNA</b>	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19/6/2023	17/7/2023	30/6/2023	29/6/2023	<b>NUE</b>	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20/6/2023	17/7/2023	30/6/2023	29/6/2023	<b>VPR</b>	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4/7/2023	17/7/2023	10/7/2023	7/7/2023	<b>NBT</b>	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14/6/2023	18/7/2023	20/6/2023	19/6/2023	<b>PVG</b>	Trả cổ tức bằng tiền mặt
29/5/2023	19/7/2023	14/6/2023	13/6/2023	<b>SBD</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
7/6/2023	19/7/2023	19/6/2023	16/6/2023	<b>PLE</b>	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20/6/2023	19/7/2023	4/7/2023	3/7/2023	<b>BLT</b>	Trả cổ tức bằng tiền mặt
29/11/2021	20/7/2023	14/7/2023	14/7/2023	<b>CRE</b>	Niêm yết thêm
14/3/2023	20/7/2023	27/3/2023	24/3/2023	<b>VHG</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
25/5/2023	20/7/2023	15/6/2023	14/6/2023	<b>HPT</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
25/5/2023	20/7/2023	15/6/2023	14/6/2023	<b>CDN</b>	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9/6/2023	20/7/2023	26/6/2023	23/6/2023	<b>PMB</b>	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9/6/2023	20/7/2023	26/6/2023	23/6/2023	<b>PIA</b>	Đại hội Cổ đông Bất thường
9/6/2023	20/7/2023	4/7/2023	3/7/2023	<b>CMD</b>	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8/6/2023	20/7/2023	19/6/2023	16/6/2023	<b>CQN</b>	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15/6/2023	20/7/2023	5/7/2023	4/7/2023	<b>KMT</b>	Trả cổ tức bằng tiền mặt



Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

**Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường**  
[cuong.hnv2@shs.com.vn](mailto:cuong.hnv2@shs.com.vn)

**Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật**  
[nhat.pt@shs.com.vn](mailto:nhat.pt@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên**  
[kien.bm@shs.com.vn](mailto:kien.bm@shs.com.vn)

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

### **Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

#### **Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,  
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,  
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)